

经历	jīnglì	experience
过	guo	(an aspect particle)
住院	zhù yuàn	be hospitalised
中医	zhōngyī	doctor of traditional Chinese medicine
苦	kǔ	bitter
手	shǒu	hand
摸	mō	feel, touch
开	kāi	prescribe, write out
药方	yàofāng	prescription
按摩	àn mó	massage
针灸	zhēnjiǔ	acupuncture
方法	fāngfǎ	method
治	zhì	treat, cure
打针	dǎ zhēn	inject, injection
扎针	zhā zhēn	give an acupuncture treatment
细	xì	thin
菜	cài	dish
烤鸭	kǎoyā	roast duck
第	dì	(a prefix indicating ordinal numbers)
中餐	zhōngcān	Chinese food
烤	kǎo	roast, bake
白薯	báishǔ	sweet potato
糖葫芦	tánghúlu	sugarcoated haws on a stick (a popular winter snack in Beijing)
糖	táng	sugar
钢琴	gāngqín	piano
协奏曲	xiézòuqǔ	concerto
亲耳	qīn'ěr	(to hear something) live or on the spot
· · 家	……jiā	a specialist in a certain field
演奏	yǎnzòu	play
好听	hǎotīng	beautiful, pleasing to the ear

· · 极了	……jǐle	extremely
小提琴	xiǎotíqín	violin
光盘	guāngpán	CD
海南岛	Hǎinán Dǎo	Hainan Island
泰山	Tài Shān	Mountain Tai
敦煌	Dūnhuáng	Dunhuang
颐和园	Yíhéyuán	the Summer Palace
故宫	Gùgōng	the Palace Museum
长城	Chángchéng	the Great Wall
黄河	Huáng Hé	The Yellow River
梁祝	Liáng Zhù	Liang Zhu
白酒	báijiǔ	white spirit, hard liquor
月饼	yuèbing	mooncake
杂技	zájì	acrobatics
传真	chuánzhēn	fax
相声	xiàngsheng	cross talk
农村	nóngcūn	countryside
说谎	shuō huǎng	tell a lie
罗米欧与朱丽叶	Luómǐ'ōu yǔ Zhūliè	Romeo and Juliet
鲁迅	Lǚ Xùn	Lu Xun
阿 Q 正传	Ā Q Zhèngzhuàn	The True Story of Ah Q